

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2023/DS-ST**

Ngày: 15/5/2023

“V/v Tranh chấp hợp đồng sử
dụng thẻ tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Thủy
2. Bà Đoàn Thị Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền Trang, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:
Ông Trương Công Khanh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H, số 60 Nguyễn Huệ, thành phố H xét xử công khai vụ án thụ lý số: 291/2022/TLST- DS ngày 18 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-DS ngày 03/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2023/QĐST-DS ngày 24/4/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: Số 266 – 268 đường N, Phường V, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Lý Minh C, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – chi nhánh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: 126 đường N1, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Theo văn bản ủy quyền số 3279/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022).

Ông Nguyễn Bảo Quốc V, chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – chi nhánh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: 126 đường N1, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Theo Văn bản ủy quyền số 09/2023/GUQ-CNTTH ngày 03/01/2023), có mặt.

2. Bị đơn: **Bà Ngô Thị Kim Y**, sinh năm 1990; địa chỉ: 62 đường V1, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/11/2015 giữa Ngân hàng TMCP S – chi nhánh Thừa Thiên Huế, Phòng Giao dịch P1 (Nay là Phòng giao dịch T) và bà Ngô Thị Kim Y có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bảng điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Ngô Thị Kim Y, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích phục vụ đời sống, sinh hoạt tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Ngô Thị Kim Y đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 116.683.407 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Ngô Thị Kim Y đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 117.735.000 đồng (trong đó: tiền lãi và các loại phí từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 31/5/2021 là: 34.264.082 đồng, số tiền giao dịch: 1.051.593 đồng). Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà Ngô Thị Kim Y vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Ngô Thị Kim Y vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/6/2021 Ngân hàng TMCP S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến hết ngày 15/5/2023, bà Ngô Thị Kim Y còn nợ Ngân hàng TMCP S số tiền 64.040.153 đồng, trong đó nợ gốc 33.212.489 đồng, nợ lãi quá hạn 30.827.664 đồng. Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà Ngô Thị Kim Y phải trả cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền nói trên và tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày xét xử 15/5/2023 cho đến khi trả hết nợ.

Phía bị đơn – Bà Ngô Thị Kim Y: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt, niêm yết hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác cho bà Y nhưng bà Y không đến làm việc nên Tòa án không lấy được lời khai, cũng như công khai chứng cứ và hòa giải được.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến:

[1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn bà Ngô Thị Kim Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Ngô Thị Kim Y phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 64.040.153 đồng, trong đó nợ gốc 33.212.489 đồng, nợ lãi quá hạn 30.827.664 đồng. Ngoài ra, kể từ ngày sau

ngày xét xử bà Ngô Thị Kim Y phải chịu số tiền lãi trên số tiền còn nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật; trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn bà Ngô Thị Kim Y đến Tòa án để làm việc nhưng bà Y không đến. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Y đến tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng bà Y vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Y.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 05/11/2015, được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S và bà Ngô Thị Kim Y là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật, nên có hiệu lực thi hành đối với các bên. Việc bà Y không trả nợ cho ngân hàng như thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng.

Về số tiền lãi quá hạn, theo quy định của pháp luật và thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, mức lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại. Tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 05/11/2015, các bên thỏa thuận mức lãi suất trong hạn là 30%/năm theo Thông báo số 710/TB-TTT ngày 31/12/2013 về việc gia tăng tiện ích cho sản phẩm tín dụng S đến ngày 14/8/2019. Từ ngày 15/8/2019 đến nay lãi suất là 31,2%, theo Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 về biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ S nên việc Ngân hàng TMCP S lấy mức lãi suất 46,8%/năm để tính số tiền lãi quá hạn là đúng quy định của pháp luật.

Do đó, Ngân hàng TMCP S khởi kiện buộc bà Ngô Thị Kim Y phải trả số tiền còn nợ 64.040.153 đồng, trong đó nợ gốc 33.212.489 đồng, nợ lãi quá hạn 30.827.664 đồng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Ngoài ra, kể từ ngày 16/5/2023 bà Ngô Thị Kim Y còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[4] Về án phí:

- Bà Ngô Thị Kim Y phải chịu 64.040.153 đồng x 5% = 3.000.000 đồng (làm tròn).

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.265.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004775 ngày 14/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 274, Điều 280 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Ngô Thị Kim Y phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 64.040.153 đồng, trong đó nợ gốc 33.212.489 đồng, nợ lãi quá hạn 30.827.664 đồng. Kể từ ngày 16/5/2023, bà Ngô Thị Kim Y còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Ngô Thị Kim Y phải chịu: 3.000.000 đồng (làm tròn).

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.265.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004775 ngày 14/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi Hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;

- VKSND TP H;

- THADS TP H;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ, Dán án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hằng